

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 04/3/2024.
Về việc: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Thảo;

2. Ông Huỳnh Ngọc Trí.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thành Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* bà Trương Hồng Đ, sinh năm 1950;

Địa chỉ: khu phố A, phường B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1969.

+ Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1972.

+ Anh Nguyễn Thành L1, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, Thị xã, tỉnh Tiền Giang.

Bà Đ có mặt; ông L, bà C và anh L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Hồng Đ và trình bày của bà Đ tại phiên tòa xác định:

Giữa bà và ông Nguyễn Thành L, bà Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Thành L1 có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 29/12/2021, gia đình ông L, bà C và anh L1 có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 09/5/2023, gia đình ông L, bà C và anh L1 vay tiếp số tiền 22.000.000 đồng hẹn 10 ngày trả. Từ đó đến nay gia đình ông L, bà C và anh L1 không thực hiện việc trả nợ theo cam kết.

Bà Trương Hồng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Thành L, bà Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Thành L1 phải trả cho ông số tiền vốn là 122.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 12/2023 đến ngày xét xử mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tiền lãi chậm thi hành án tính theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 bản chính biên nhận ngày 29/12/2021, 01 bản chính biên nhận ngày 09/5/2023.

* Bị đơn:

- Ông Nguyễn Thành L có bản tự khai trình bày như sau: Trước đây gia đình ông có vay của bà Trương Hồng Đ số tiền 100.000.000 đồng, có trả lãi mỗi tháng 6.000.000 đồng. Từ ngày 21/4/2023 đến nay không có khả năng trả vốn và lãi, nay xin trả dần.

- Bà Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Thành L1 không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến số tiền bà Đ khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Thành L, bà Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Thành L1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L, bà C và anh L1.

[2]. Xem xét tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: bà Trương Hồng Đ đã giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa bà với ông Nguyễn Thành L, bà Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Thành L1 có thiết lập quan hệ hợp đồng vay gồm: 01 bản chính biên nhận ngày 29/12/2021 và 01 bản chính biên nhận ngày 09/5/2023 có chữ ký và chữ viết đề tên Nguyễn Thành L, Phạm Thị Kim C và Nguyễn Thành L1.

Tòa án đã tổng Đ hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn bà Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Thành L1 nhưng 02 người này không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để xác định đã trả nợ cho nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Thành L là bị đơn thừa nhận tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/01/2024 là gia đình ông có vay của bà Trương Hồng Đ số tiền vốn là 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/12/2021, còn số tiền 22.000.000 đồng theo biên nhận ngày 09/5/2023 là tiền lãi nhưng không được bà Đ thừa nhận. Thấy rằng: nội dung biên nhận ngày 09/5/2023 không thể hiện số tiền ghi nợ là tiền lãi nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định số tiền 22.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 09/5/2023 là tiền vốn vay.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông L, bà C và anh L1 thực tế có vay của bà Đ 02 lần với tổng số tiền là 122.000.000 đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi bà Đ có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên bà Đ khởi kiện yêu cầu ông L, bà C và anh L1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đến ngày xét xử với tiền lãi mỗi tháng 1.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc ông L, bà C và anh L1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền vốn là 122.000.000 đồng và tiền lãi 03 tháng là 3.000.000 đồng, cộng chung là 125.000.000 đồng.

[4]. Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ vào:** Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Hồng Đ.

Buộc ông Nguyễn Thành L, bà Phạm Thị Kim C và anh Nguyễn Thành L1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Hồng Đ tổng số tiền là 125.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông L, bà C và anh L1 phải chịu 6.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Ông L, bà C và anh L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tổng Đ hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- C cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT

